

SỞ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 124/TB-HĐTD

Bình Định, ngày 20 tháng 12 năm 2021

SỞ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
Số: 47260
ĐẾN Ngày: 20/12/2021
Chuyên: Danh sách thí sinh
Lưu hồ sơ số:

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh được công nhận kết quả trúng tuyển và hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2020

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Theo Kế hoạch số 79/KH-SYT ngày 30/12/2020 của Sở Y tế về Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2020;

Theo Quyết định số 2199/QĐ-SYT ngày 31/12/2020 của Sở Y tế về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2020;

Theo Quyết định số 3495/QĐ-SYT ngày 19/12/2021 của Sở Y tế về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2020;

Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2020 thông báo:

1. Danh sách thí sinh được công nhận kết quả trúng tuyển viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2020 theo Quyết định số 3495/QĐ-SYT ngày 19/12/2021 của Sở Y tế về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2020.

(Có Danh sách chi tiết kèm theo)

2. Thí sinh được công nhận kết quả trúng tuyển viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2020 có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

a) Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 21/12/2021 đến ngày 19/01/2022.

- Địa điểm tiếp nhận: Phòng Tổ chức cán bộ - Sở Y tế tỉnh Bình Định, số 756 - đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, số điện thoại: 02563.791422.

b) Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

- Bản sao văn bằng chuyên môn, văn bằng/chứng chỉ tin học và ngoại ngữ, bằng điểm/kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực;

+ Trường hợp thí sinh có văn bằng, chứng chỉ nước ngoài thì yêu cầu phải dịch thuật qua Tiếng Việt do cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định;

+ Đối với chứng nhận đối tượng ưu tiên: phải có đầy đủ thông tin, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (ví dụ như: chứng nhận đối tượng ưu tiên con thương

binh, con bệnh binh, ... yêu cầu phải có bản sao chứng nhận thương binh/bệnh binh/... được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực và giấy xác nhận/chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về quan hệ nhân thân giữa thí sinh và đối tượng ưu tiên, ...).

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp (Thí sinh liên hệ Sở Tư pháp để được hướng dẫn và đề nghị cấp).

- Hồ sơ tuyển dụng của mỗi thí sinh được để vào một túi hồ sơ.

Lưu ý: Thí sinh đến hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng cần mang theo bản chính các văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm/kết quả học tập, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) đã nêu cụ thể ở trên để bộ phận tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng đối chiếu với bản sao đã được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực.

3. Trong thời gian chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày 21/12/2021 nếu thí sinh trúng tuyển không hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Sở Y tế ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển, thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

4. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thí sinh trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, Sở Y tế ra quyết định tuyển dụng, đồng thời gửi quyết định tới thí sinh trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký và đơn vị trực thuộc Sở có thí sinh trúng tuyển để biết, thực hiện việc ký hợp đồng làm việc với viên chức.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, thí sinh được tuyển dụng viên chức phải đến đơn vị sử dụng viên chức để ký hợp đồng làm việc và nhận việc.

Trường hợp thí sinh được tuyển dụng viên chức không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc trong thời hạn quy định thì người đứng đầu đơn vị sử dụng viên chức đề nghị Sở Y tế hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2020 thông báo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Tổ Giám sát (Sở Nội vụ);
- Ban Giám sát (Sở Y tế);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Thí sinh trúng tuyển (thực hiện);
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, TCCB, HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Lê Quang Hùng**



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2020

STT	TT (theo chỉ tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Điểm tương ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
A. TUYỂN TÍNH																		
	I	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi																
		Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 04 chỉ tiêu																
1	1	414	Nguyễn Thị Nhi		10/11/1993	Ấn Hải Đông - Hoài Ân - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi		89.25	89.25	
2	2	721	Lê Thị Ánh Tuyết		26/02/1995	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Con của người hưởng chính sách như thương bình	Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	5.00	71.50	76.50	
3	3	084	Đinh Thị Dung		02/12/1998	Phường Lý Thường Kiệt - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi		63.00	63.00	
		Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học: 01 chỉ tiêu																
4	1	281	Trần Thị Thanh Lan		26/9/1994	Phường Nhơn Phú - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi		99.75	99.75	
		Đại học ngành Luật: 01 chỉ tiêu																
5	1	089	Nguyễn Thủy Dương		07/10/1988	Phường Nhơn Phú - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cử nhân Luật	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản	Con thương bình hạng 4/4	Đại học ngành Luật	Chuyên viên	01.003	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	5.00	99.50	104.50	
	II	Bệnh viện Tâm thần																
		Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 05 chỉ tiêu																
6	1	777	Bùi Như Ý	14/11/1991		Phường Hải Cảng - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Con thương bình	Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Tâm thần	5.00	97.75	102.75	
7	2	187	Trần Thị Hiền		02/02/1992	Phường Trần Quang Diệu - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Tâm thần		94.50	94.50	
8	3	227	Lê Nguyễn Hùng	15/11/1986		Phường Ngô Mây - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Tâm thần		86.50	86.50	
9	4	260	Lê Anh Khoa	01/01/1997		Cánh Thuận - Văn Canh - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Tâm thần		81.00	81.00	
10	5	731	Mộc Hà Văn	24/10/1992		Phường Bùi Thị Xuân - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Bệnh viện Tâm thần		72.50	72.50	
	III	Trung tâm Pháp Y																
		Y sĩ đa khoa: 01 chỉ tiêu																

STT	TT (theo chị tiên)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đổi tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Viòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
11	1	208	Lâm Hữu Hoàng	26/02/1994		Mỹ Châu - Phú Mỹ - Bình Định	Y sĩ đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung tâm Pháp Y		72,50	72,50	
B. TUYỂN HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ																		
	I	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn																
		Cao đẳng ngành Chẩn đoán hình ảnh: 01 chỉ tiêu																
12	1	775	Trần Thị Như Ý		10/02/1996	Thị trấn Điều Trị - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		86,00	86,00	
		Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 24 chỉ tiêu																
13	1	663	Nguyễn Thị Thủy Trang		17/01/1996	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		100,00	100,00	
14	2	283	Đặng Thị Hương Lành		29/3/1996	Cát Tiến - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		98,75	98,75	
15	3	078	Hoàng Ngọc Doanh		12/12/1983	Phường Bùi Thị Xuân - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		97,00	97,00	
16	4	253	Huỳnh Thị Huyền		05/8/1993	Hoài Châu Bắc - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		96,00	96,00	
17	5	217	Bùi Thị Mỹ Hồng		01/10/1996	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		95,25	95,25	
18	6	357	Nguyễn Phương Nam	24/10/1998		Cát Tài - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		94,50	94,50	
19	7	230	Đinh Thị Hương		22/5/1996	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		92,50	92,50	
20	8	225	Huỳnh Thị Linh Huệ		08/6/1992	Vĩnh Hiệp - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		90,50	90,50	
21	9	660	Hồ Thủy Trang		05/12/1996	Nhơn Tân - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		89,75	89,75	
22	10	694	Vô Thị Thanh Trúc		19/9/1997	Phường Nhơn Phú - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		88,75	88,75	
23	11	498	Nguyễn Võ Thị Song Sanh		11/6/1994	Phường Ghềnh Ráng - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		88,25	88,25	
24	12	216	Đỗ Thị Thu Hồng		14/7/1999	Phường Đồng Đa - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		82,25	82,25	
25	13	611	Trần Thị Kim Thủy		14/5/1996	EaBar - Buôn Đôn - Đắk Lắk	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		82,00	82,00	

STT	TT (theo chỉ tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đãi tương ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (/100g 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
26	14	586	Đặng Hà Mỹ Thu		08/8/2000	Thị trấn Ngõ Mây - Phú Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		78.75	78.75	
27	15	465	Võ Thị Phương		15/4/1995	Phường Nguyễn Văn Cừ - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		65.50	65.50	
28	16	454	Nguyễn Thị Kiều Oanh		28/12/1997	Nhơn Tân - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		65.00	65.00	
29	17	044	Võ Thanh Đài		26/8/1995	Mỹ Lợi - Phú Mỹ - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		63.50	63.50	
30	18	657	Nguyễn Thị Thủy Trang		28/02/1993	Thị trấn Điều Trị - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		60.50	60.50	
31	19	756	Lê Tường Vy		18/10/1997	Vĩnh Hảo - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		58.00	58.00	
32	20	398	Trần Thị Kim Nhân		10/4/1995	Phường Nhơn Bình - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		57.50	57.50	
33	21	419	Nguyễn Thị Ý Nhi		08/8/1998	Nhơn Mỹ - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		50.00	50.00	
Cao đẳng ngành Điều dưỡng phụ sản hoặc Cao đẳng ngành Hộ sinh: 01 chỉ tiêu																		
34	1	493	Trần Thị Băng Sa		21/01/1995	Tây Xuân - Tây Sơn - Bình Định	Cao đẳng hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng phụ sản hoặc Cao đẳng ngành Hộ sinh	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		87.50	87.50	
Cao đẳng ngành Gây mê hồi sức: 01 chỉ tiêu																		
35	1	733	Trương Thị Tường Vi		23/8/1997	Hoài Châu Bắc - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng Gây mê hồi sức	Bậc 3	CNTT cơ bản	Con thương binh	Cao đẳng ngành Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	5.00	89.50	94.50	
Đại học chuyên ngành kỹ thuật hoặc chuyên ngành công nghệ về Môi trường: 01 chỉ tiêu																		
36	1	653	Huỳnh Thị Kiều Trang		26/3/1989	Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Quảng Ngãi - Quảng Ngãi	Kỹ sư Kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành: Công nghệ môi trường)	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học chuyên ngành kỹ thuật hoặc chuyên ngành công nghệ về Môi trường	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		97.50	97.50	
Đại học ngành Công nghệ thông tin: 01 chỉ tiêu																		
37	1	747	Trần Thượng Vinh	14/9/1991		Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Đại học Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)			Đại học ngành Công nghệ thông tin	Quản trị viên hệ thống hạng III	V.11.06.14	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		61.50	61.50	
Đại học ngành Điều dưỡng: 09 chỉ tiêu																		
38	1	634	Nguyễn Thị Ngọc Tín		26/9/1990	Phường Hoài Thanh Tây - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		98.50	98.50	
39	2	204	Đặng Thị Lệ Hoa		09/7/1994	Mỹ Châu - Phú Mỹ - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		95.75	95.75	

STT	TT (theo chi tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đối tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
40	3	191	Nguyễn Thị Hiệp		18/10/1996	Phường Ngổ Mây - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	TOEIC 515 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		93.75	93.75	
41	4	245	Nguyễn Thị Bích Huyền		01/11/1993	Ấn Tượng Đồng - Hoài Ấn - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		91.75	91.75	
42	5	105	Nguyễn Thị Duyên		20/02/1998	Phường Tam Quan - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		91.25	91.25	
43	6	223	Nguyễn Thị Huệ		20/7/1993	Phường Bồng Sơn - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		90.75	90.75	
44	7	430	Lê Thị Nhơn		30/8/1996	Phường Nhơn Phú - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		82.25	82.25	
45	8	293	Nguyễn Thị Liên		12/7/1993	Hoài Phú - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	TOEFL 397 (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		75.00	75.00	
46	9	736	Sô Thị Hà Vi		04/5/1995	Cánh Hòa - Văn Canh - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản	Dân tộc thiểu số (Bana)	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	5.00	70.00	75.00	
Đại học ngành Xét nghiệm y học: 01 chỉ tiêu																		
47	1	035	Phạm Văn Chiến	03/02/1993		Phường Tam Quan Bắc - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học ngành Xét nghiệm y học	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		98.25	98.25	
Y sĩ Y học cổ truyền: 03 chỉ tiêu																		
48	1	676	Nguyễn Thị Trinh		26/4/1993	Mỹ Trinh - Phù Mỹ - Bình Định	Y sĩ định hướng chuyên khoa Y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y sĩ Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		99.50	99.50	
49	2	655	Phạm Ngọc Trang	25/10/1993		103 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Y sĩ định hướng chuyên khoa Y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y sĩ Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		73.75	73.75	
50	3	703	Bùi Xuân Tứ	20/02/1995		Vĩnh Hiệp - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Y sĩ định hướng chuyên khoa Y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y sĩ Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		65.75	65.75	
II Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước																		
Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 20 chỉ tiêu																		
51	1	172	Phạm Thị Hiền		20/11/1990	Phước An - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	5.00	95.00	100.00	
52	2	551	Trần Thị Phương Thảo		19/12/1995	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		99.50	99.50	

STT	TT (theo chi tiên)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đối tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
53	3	121	Nguyễn Thị Bảo Hà		20/10/1995	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		99.00	99.00	
54	4	270	Trần Thị Thúy Kiều		12/02/1992	Phước Hòa - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		99.00	99.00	
55	5	353	Cao Thị Mỹ		10/4/1999	Phước Thành - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		98.75	98.75	
56	6	188	Trương Thị Hiền		20/4/1990	Phước Thành - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		98.50	98.50	
57	7	562	Lê Thị Ánh Thi		03/5/1996	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		98.00	98.00	
58	8	166	Võ Thị Hậu		10/7/1990	Thị trấn Tuy Phước - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		97.75	97.75	
59	9	192	Phạm Thị Mỹ Hiệp		20/12/1990	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		97.50	97.50	
60	10	783	Dương Thị Hồng Yến		01/01/1995	Phước Hòa - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	A (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		97.25	97.25	
61	11	560	Huỳnh Thị Phương Thi		24/5/1997	Phước Hưng - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		95.00	95.00	
62	12	218	Ngô Thị Mỹ Hồng		06/01/1993	Phước Thắng - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		93.00	93.00	
63	13	329	Mai Thị Trúc Ly		20/4/1994	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		91.00	91.00	
64	14	773	Đào Thị Như Ý		13/4/1994	Phước Quang - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		91.00	91.00	
65	15	778	Phan Thị Như Ý		11/12/1992	Phước Nghĩa - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		89.00	89.00	
66	16	255	Lê Thị Minh Kha		23/02/1993	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		87.75	87.75	
67	17	522	Lưu Thị Thắm		03/8/1991	Thị trấn Điều Trị - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		87.75	87.75	

STT	TT (theo chỉ tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đối tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
68	18	056	Phạm Thị Hồng Diễm		16/8/1992	Bình Nghi - Tây Sơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		82.50	82.50	
69	19	025	Hoàng Dạ Cẩm		30/3/1992	Phường Trần Quang Diệu - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		81.50	81.50	
70	20	483	Nguyễn Thị Quy		01/6/1994	Phước Hòa - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		81.00	81.00	
Cao đẳng ngành dược: 02 chỉ tiêu																		
71	1	764	Nguyễn Trúc Vy		22/12/1996	850 Hùng Vương - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cao đẳng dược	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		99.00	99.00	
72	2	098	Đào Thị Thủy Duyên		20/3/1998	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng dược	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		98.25	98.25	
Đại học ngành Công nghệ thông tin: 01 chỉ tiêu																		
73	1	173	Nguyễn Văn Hiến	01/01/1979		Thị trấn Diêu Trì - Tuy Phước - Bình Định	Đại học Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)			Đại học ngành Công nghệ thông tin	Quản trị viên hệ thống hạng III	V.11.06.14	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		52.50	52.50	
Đại học ngành Điều dưỡng: 03 chỉ tiêu																		
74	1	149	Nguyễn Thị Thanh Hằng		01/10/1998	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		67.25	67.25	
75	2	739	Tô Thị Tường Vi		03/02/1990	Phước Thành - Tuy Phước - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		60.25	60.25	
Đại học ngành Quản trị kinh doanh: 01 chỉ tiêu																		
76	1	473	Dương Ngọc Quang	02/02/1984		Thị trấn Diêu Trì - Tuy Phước - Bình Định	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học ngành Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	01.003	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		61.00	61.00	
Đại học thuộc một trong các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính: 01 chỉ tiêu																		
77	1	088	Quảng Thị Dương		01/9/1989	Phước Nghĩa - Tuy Phước - Bình Định	Cử nhân Kế toán	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học thuộc một trong các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính	Kế toán viên	06.031	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		96.50	96.50	
III Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn																		
Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 21 chỉ tiêu																		
78	1	374	Nguyễn Lâm Huyền Ngân		22/4/1990	Nhon Tân - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		100.00	100.00	
79	2	388	Lê Thị Ngọc		31/01/1990	Thị trấn Diêu Trì - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		100.00	100.00	
80	3	176	Vô Minh Hiến	14/7/1992		Phường Đập Đá - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh A (tương đương Bậc 1)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		99.50	99.50	
81	4	200	Nguyễn Thị Bích Hoa		26/10/1995	Nhon Hạnh - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		99.50	99.50	

STT	TT (theo chi tên)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đổi tương ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Tổng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
82	5	355	Võ Thị Thu My		06/01/1992	Phường Bình Định - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		99.50	99.50	
83	6	363	Võ Thị Hồng Nga		07/11/1990	Phường Đập Đá - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		99.50	99.50	
84	7	758	Võ Thị Lan Vy		06/10/1995	Phường Nhơn Hòa - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		99.50	99.50	
85	8	243	Cao Trần Hồng Huyền		16/5/1998	Nhơn An - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		99.00	99.00	
86	9	266	Nguyễn Thị Thảo Kiều		02/8/1994	Phường Nhơn Hưng - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		99.00	99.00	
87	10	460	Lê Thị Phương		08/12/1994	Nhơn Hậu - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		97.50	97.50	
88	11	781	Nguyễn Thị Ngọc Yến		21/10/1985	Ia Tơi - Ia H'Drai - Kon Tum	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		97.25	97.25	
89	12	726	Trần Thị Thanh Vân		25/4/1992	Phường Nhơn Thành - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		97.00	97.00	
90	13	639	Trần Thị Thanh Trà		12/02/1993	Nhơn Hậu - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		96.50	96.50	
91	14	718	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		05/5/1991	Phước Hưng - Tuy Phước - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		96.00	96.00	
92	15	714	Hồ Thị Bích Tuyền		05/4/1994	Phường Nhơn Hưng - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		95.25	95.25	
93	16	181	Bùi Thị Lệ Hiền		18/7/1995	Phường Nhơn Thành - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		94.00	94.00	
94	17	386	Nguyễn Thị Ngọc		09/10/1990	Phường Bình Định - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		92.00	92.00	
95	18	589	Nguyễn Thị Thu		12/4/1994	Nhơn Mỹ - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		91.00	91.00	
96	19	063	Hà Thị Ngọc Diễm		24/02/1993	Cát Tiến - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		89.50	89.50	

STT	TT (theo chị em)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đổi tương ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
97	20	452	Đỗ Tú Oanh		03/12/1994	Phường Hoài Hảo - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		87.00	87.00	
98	21	206	Đặng Thu Hoài		06/5/1999	Nhơn An - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		83.00	83.00	
Cao đẳng ngành Điều dưỡng phụ sản hoặc Cao đẳng ngành Hộ sinh: 01 chỉ tiêu																		
99	1	112	Nguyễn Thị Ngọc Hà		12/6/1997	Cát Nhơn - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Hộ sinh	Bậc 2	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng phụ sản hoặc Cao đẳng ngành Hộ sinh	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		99.50	99.50	
Cao đẳng ngành Gây mê hồi sức: 02 chỉ tiêu																		
100	1	468	Lê Bích Phượng		12/11/1992	Nhơn Hạnh - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng gây mê hồi sức	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		95.50	95.50	
101	2	469	Đinh Ngô Thúy Phượng		18/12/1992	Nhơn Khánh - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng gây mê hồi sức	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Gây mê hồi sức	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		92.50	92.50	
Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học: 01 chỉ tiêu																		
102	1	550	Nguyễn Thị Thu Thảo		06/8/1991	Nhơn Thọ - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		97.75	97.75	
Đại học ngành Chẩn đoán hình ảnh: 02 chỉ tiêu																		
103	1	616	Trần Thị Ngọc Thúy		10/11/1998	Nhơn An - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Đại học Kỹ thuật hình ảnh Y học	TOEIC 510 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		95.00	95.00	
Đại học ngành Xét nghiệm y học: 01 chỉ tiêu																		
104	1	667	Nguyễn Quang Trí	10/02/1996		Phường Nhơn Thành - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cử nhân Xét nghiệm Y học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Xét nghiệm y học	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		60.75	60.75	
IV Trung tâm Y tế huyện Phù Cát																		
Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 08 chỉ tiêu																		
105	1	231	Trần Thị Kim Hương		12/02/1995	Tây Vinh - Tây Sơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		97.50	97.50	
106	2	379	Trần Thị Thu Ngân		16/01/1992	Cát Hiệp - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh A (tương đương Bậc 1)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		92.00	92.00	
107	3	732	Phan Thị Vàng		03/02/1987	Cát Khánh - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		90.75	90.75	
108	4	531	Đặng Thị Thu Thanh		28/10/1996	Thị trấn Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		85.50	85.50	
109	5	134	Nguyễn Thị Thúy Hằng		06/6/1992	Cát Hạnh - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		83.00	83.00	
110	6	185	Nguyễn Thị Hiền		06/8/1991	Thị trấn Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		81.00	81.00	

STT	TT (theo chỉ tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (Xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đối tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
111	7	455	Trần Thị Kiều Oanh		04/01/1993	Phường Tam Quan - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		80,50	80,50	
112	8	086	Từ Thanh Dũng	01/6/1989		Cát Tài - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	2,50	76,50	79,00	
Cao đẳng ngành dược: 03 chỉ tiêu																		
113	1	576	Hồ Thị Kim Thoa		01/01/1989	Thị trấn Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng dược	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		97,50	97,50	
114	2	203	Trịnh Thị Hoa		10/12/1988	Cát Minh - Phù Cát - Bình Định	Cao đẳng dược	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		97,00	97,00	
115	3	630	Nguyễn Thị Thu Thủy		10/02/1999	Hoài Châu - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng dược	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		94,75	94,75	
Cao đẳng ngành Kỹ thuật hình ảnh y học: 02 chỉ tiêu																		
116	1	389	Lê Văn Ngọc	16/4/1997		Ấn Phong - Hoài Ân - Bình Định	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		92,50	92,50	
Đại học ngành Điều dưỡng: 03 chỉ tiêu																		
117	1	707	Nguyễn Văn Trương	10/5/1993		Cát Thắng - Phù Cát - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		91,25	91,25	
118	2	167	Phan Thị Mỹ Hậu		02/6/1997	Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		85,25	85,25	
119	3	425	Nguyễn Văn Nhi		01/11/1993	Cát Tiến - Phù Cát - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản	Con thương binh	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	5,00	63,75	68,75	
Đại học thuộc một trong các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính: 04 chỉ tiêu																		
120	1	614	Huỳnh Thị Thủy		25/02/1993	Cát Tài - Phù Cát - Bình Định	Cử nhân kế toán	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học thuộc một trong các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính	Kế toán viên	06.031	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		99,00	99,00	
121	2	081	Hồ Thị Ngọc Đức		06/9/1985	Thị trấn Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định	Cử nhân Kế toán	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học thuộc một trong các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính	Kế toán viên	06.031	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		98,25	98,25	
122	3	152	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh		03/8/1991	Vĩnh Hảo - Vĩnh Thanh - Bình Định	Cử nhân Kế toán	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học thuộc một trong các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính	Kế toán viên	06.031	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		97,00	97,00	
123	4	053	Lê Minh Đạt	20/02/1984		Phước Quang - Tuy Phước - Bình Định	Cử nhân Kế toán	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Đại học thuộc một trong các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính	Kế toán viên	06.031	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	2,50	93,75	96,25	
V Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ																		
Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 12 chỉ tiêu																		

STT	TT (theo chỉ tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đối tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
124	1	570	Phạm Thị Kim Thịnh		26/6/1996	Mỹ Châu - Phú Mỹ - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		97.75	97.75	
125	2	169	Đỗ Thị Hậu		20/9/1993	Mỹ Hiệp - Phú Mỹ - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		83.00	83.00	
126	3	530	Nguyễn Thị Thanh Thanh		15/8/1997	Phường Hoài Hào - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		81.50	81.50	
127	4	486	Đoàn Thị Quyên		05/11/1994	Phường Hoài Đức - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		80.00	80.00	
128	5	391	Trần Thị Tô Nguyễn		06/02/1996	Mỹ Phong - Phú Mỹ - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		74.75	74.75	
129	6	385	Nguyễn Thị Bích Ngọc		30/12/1992	Mỹ Cát - Phú Mỹ - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		73.00	73.00	
130	7	477	Vô Thị Bích Qui		18/5/1997	Mỹ Châu - Phú Mỹ - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		57.00	57.00	
131	8	102	Nguyễn Thị Duyên		25/12/1997	Mỹ Chánh - Phú Mỹ - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		50.50	50.50	
Đại học ngành Điều dưỡng: 07 chỉ tiêu																		
132	1	211	Vô Phước Hồng	30/3/1989		Phường Hoài Hương - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Con thương binh	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	5.00	86.50	91.50	
133	2	284	Nguyễn Thị Lê		01/01/1994	Mỹ Tài - Phú Mỹ - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		80.50	80.50	
134	3	168	Huỳnh Thị Như Hậu		15/01/1994	Hoài Mỹ - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		75.00	75.00	
135	4	178	Nguyễn Thu Hiền		22/9/1993	107/5 Trần Bình Trọng - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		74.75	74.75	
136	5	274	Trà Thị Kim Lai		12/4/1990	Mỹ Tài - Phú Mỹ - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		70.00	70.00	
137	6	318	Nguyễn Thị Lộc		02/6/1993	Mỹ Trinh - Phú Mỹ - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		70.00	70.00	
138	7	666	Huỳnh Thị Ngọc Trang		06/12/1992	Phường Hoài Xuân - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	TOEFL ITP 407 (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ		60.25	60.25	
Đại học ngành Môi trường: 01 chỉ tiêu																		

STT	TT (theo chỉ tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đãi tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Tổng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
139	1	171	Nguyễn Văn Hậu	16/9/1988		Mỹ Quang - Phú Mỹ - Bình Định	Đại học Quản lý môi trường	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Con thương binh	Đại học ngành Môi trường	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	5.00	82.50	87.50	
Đại học ngành Y tế công cộng: 02 chỉ tiêu																		
140	1	565	Nguyễn Văn Thi	30/12/1998		Hoài Châu - Thị xã Hoài Nhon - Bình Định	Cử nhân Y tế công cộng	Bậc 4	CNTT cơ bản		Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ		65.50	65.50	
Y sĩ Y học cổ truyền: 02 chỉ tiêu																		
141	1	654	Đặng Thị Kiều Trang		26/02/1998	Ấn Trường Đông - Hoài Ấn - Bình Định	Y sĩ Y học cổ truyền	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Y sĩ Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ		72.00	72.00	
142	2	292	Đỗ Thị Lệ		12/02/1994	Canh Hòa - Văn Canh - Bình Định	Y sĩ định hướng chuyên khoa Y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Y sĩ Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ		71.50	71.50	
VI Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn																		
Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 09 chỉ tiêu																		
143	1	375	Phạm Thị Việt Ngân		25/8/1998	Ấn Tín - Hoài Ấn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn		99.00	99.00	
144	2	649	Nguyễn Thị Huyền Trân		25/9/1994	Ấn Nghĩa - Hoài Ấn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn		97.50	97.50	
145	3	113	Trần Thị Hà		06/6/1993	Mỹ Lộc - Phú Mỹ - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn		81.00	81.00	
146	4	322	Nguyễn Thành Luân	22/11/1987		Thị trấn Tăng Bạt Hổ - Hoài Ấn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản	Con thương binh	Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn	5.00	73.75	78.75	
147	5	302	Nguyễn Thị Ngọc Linh		30/11/1993	Ấn Mỹ - Hoài Ấn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn		76.50	76.50	
Đại học ngành Điều dưỡng: 01 chỉ tiêu																		
148	1	490	Trần Thị Quyết		20/5/1993	Phường Hoài Hương - Thị xã Hoài Nhon - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Con thương binh	Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn	5.00	78.75	83.75	
Đại học ngành Y tế công cộng: 02 chỉ tiêu																		
149	1	743	Lê Bích Viên		07/7/1996	Ấn Tín - Hoài Ấn - Bình Định	Cử nhân Y tế công cộng	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn		99.00	99.00	
VII Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhon																		
Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 09 chỉ tiêu																		
150	1	137	Nguyễn Thị Thu Hằng		08/02/1993	Phường Tam Quan Bắc - Thị xã Hoài Nhon - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhon		99.50	99.50	
151	2	294	Phú Thị Bích Liên		03/6/1989	Hoài Mỹ - Thị xã Hoài Nhon - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhon		99.00	99.00	
152	3	182	Lê Thị Thu Hiền		05/8/1998	Hoài Châu Bắc - Thị xã Hoài Nhon - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhon		95.00	95.00	
153	4	463	Nguyễn Thị Tuyết Phương		19/02/1993	Phường Bồng Sơn - Thị xã Hoài Nhon - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhon		94.50	94.50	
154	5	066	La Thị Kiều Diễm		05/02/1993	Phường Tam Quan Bắc - Thị xã Hoài Nhon - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhon		87.00	87.00	

Handwritten signature/initials

STT	TT (theo chỉ tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đối tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
155	6	288	Phạm Thị Lệ		25/6/1995	Hoài Châu Bắc - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn		83.00	83.00	
156	7	344	Nguyễn Thị Mơ		02/4/1994	Hoài Sơn - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn		82.75	82.75	
157	8	352	Nguyễn Thị Mỹ		15/10/1990	Phường Tam Quan Nam - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn		82.50	82.50	
158	9	466	Trương Thị Bích Phương		22/12/1988	Hoài Châu - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn		82.00	82.00	
Đại học ngành Điều dưỡng: 03 chỉ tiêu																		
159	1	129	Đinh Thị Mỹ Hân		09/3/1993	Phường Hoài Hảo - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cử nhân Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn		81.75	81.75	
160	2	214	Nguyễn Thị Hồng		26/5/1998	Phường Tam Quan - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT nâng cao		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn		77.25	77.25	
161	3	716	Trần Thị Ánh Tuyết		02/9/1992	Phường Tam Quan Bắc - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn		70.50	70.50	
VIII Trung tâm Y tế huyện An Lão																		
Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 02 chỉ tiêu																		
162	1	280	Nguyễn Thị Kim Lan		10/12/1997	An Hòa - An Lão - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện An Lão		84.50	84.50	
Đại học ngành Y tế công cộng: 02 chỉ tiêu																		
163	1	412	Đinh Thị Nheng		22/10/1995	An Hưng - An Lão - Bình Định	Cử nhân Y tế công cộng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản	Dân tộc thiểu số (H'Ré)	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Trung tâm Y tế huyện An Lão	5.00	90.00	95.00	
Được sĩ đại học: 02 chỉ tiêu																		
164	1	334	Trần Thị Như Lý		25/8/1996	Phường Bồng Sơn - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Dược sĩ đại học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản	Con thương binh	Dược sĩ đại học	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Trung tâm Y tế huyện An Lão	5.00	98.75	103.75	
165	2	174	Đỗ Thị Ngọc Hiền		02/3/1991	Hoài Sơn - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Dược sĩ đại học	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản		Dược sĩ đại học	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	Trung tâm Y tế huyện An Lão		99.00	99.00	
IX Trung tâm Y tế huyện Vân Canh																		
Bác sĩ y học dự phòng: 01 chỉ tiêu																		
166	1	125	Hồ Thế Hải	22/12/1994		Bok Tới - Hoài Ân - Bình Định	Bác sĩ Y học dự phòng	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản	Dân tộc thiểu số (Bana)	Bác sĩ y học dự phòng	Bác sĩ Y học dự phòng hạng III	V.08.02.06	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	5.00	77.75	82.75	
Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 02 chỉ tiêu																		
167	1	273	Phạm Thị Kỳ		28/01/1995	Thị trấn Vân Canh - Vân Canh - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Dân tộc thiểu số (Bana)	Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	5.00	97.50	102.50	
168	2	155	Nguyễn Thị Bích Hạnh		14/6/1992	Canh Thuận - Vân Canh - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Dân tộc thiểu số (Bana)	Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	5.00	61.50	66.50	
Đại học thuộc một trong các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính: 02 chỉ tiêu																		

STT	TT (theo chi tên)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đối tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
169	1	670	Đặng Văn Triết	06/8/1983		Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng (Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp)	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học thuộc một trong các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính	Kế toán viên	06.031	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh		99,50	99,50	
170	2	043	Lê Văn Cường	11/11/1988		Canh Hiệp - Vân Canh - Bình Định	Cử nhân Kế toán	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học thuộc một trong các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính	Kế toán viên	06.031	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh		96,00	96,00	
Được sĩ đại học: 01 chỉ tiêu																		
171	1	103	Nguyễn Thị Ái Duyên		22/01/1995	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định	Được sĩ đại học	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT nâng cao		Được sĩ đại học	Được sĩ hạng III	V.08.08.22	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh		97,00	97,00	
Trung cấp ngành Văn thư lưu trữ hoặc Trung cấp ngành Văn thư: 01 chỉ tiêu																		
172	1	050	Mai Thị Đặng		16/7/1995	Thị trấn Vân Canh - Vân Canh - Bình Định	Trung cấp Hành chính văn thư	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Dẫn tốc thiếu số (Bana)	Trung cấp ngành Văn thư lưu trữ hoặc Trung cấp ngành Văn thư	Văn thư trung cấp	02.008	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	5,00	93,00	98,00	
X Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh																		
Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 03 chỉ tiêu																		
173	1	229	Phạm Thu Hương		20/7/1996	Vĩnh Hòa - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Con thương binh	Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	5,00	94,50	99,50	
174	2	142	Đặng Thị Diệu Hằng		13/10/1993	Thị trấn Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh		99,00	99,00	
175	3	309	Nguyễn Thị Mỹ Linh		22/02/1994	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh		92,00	92,00	
Cao đẳng ngành dược: 01 chỉ tiêu																		
176	1	769	Đinh Thị Xuất		03/8/1993	Thị trấn Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Cao đẳng dược	Tiếng Anh C (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản	Dẫn tốc thiếu số (Bana)	Cao đẳng ngành dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	5,00	99,25	104,25	
Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học: 01 chỉ tiêu																		
177	1	443	Hồ Bá Niên	30/12/1991		Tây An - Tây Sơn - Bình Định	Cử nhân Xét nghiệm Y học	Tiếng Anh A (tương đương Bậc 1)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh		89,25	89,25	
Đại học ngành Điều dưỡng: 03 chỉ tiêu																		
178	1	045	Nguyễn Huynh Thị Anh Đài		23/5/1992	Thị trấn Phú Phong - Tây Sơn - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh		88,25	88,25	
179	2	491	Nguyễn Thị Như Quỳnh		23/4/1998	Thị trấn Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Đại học Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Đại học ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh		67,50	67,50	
Đại học ngành Y tế công cộng: 01 chỉ tiêu																		
180	1	415	Đinh Thị Nhi		14/6/1994	Vĩnh Hiệp - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Dẫn tốc thiếu số (Bana)	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	5,00	73,50	78,50	
Được sĩ đại học: 01 chỉ tiêu																		
181	1	254	Đinh Thị Kim Kall		03/8/1995	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Được sĩ đại học	B1 (tương đương Bậc 3)	CNTT cơ bản	Dẫn tốc thiếu số (Bana)	Được sĩ đại học	Được sĩ hạng III	V.08.08.22	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	5,00	82,25	87,25	
C. TUYỂN PHƯỜNG, XÃ																		

STT	TT (theo chỉ tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đối tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	I		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn:															
	1.		Trạm y tế phường Quang Trung: 01 chỉ tiêu															
			Cao đẳng ngành Điều dưỡng															
182	I	547	Trần Thanh Thảo		10/7/1997	Tây Giang - Tây Sơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trạm y tế phường Quang Trung - Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn		73.00	73.00	
	II		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước:															
	1.		Trạm Y tế thị trấn Tuy Phước															
			Y sĩ đa khoa: 01 chỉ tiêu															
183	I	297	Đoàn Thị Ái Liên		03/12/1981	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định	Y sĩ đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm Y tế thị trấn Tuy Phước - Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		94.00	94.00	
	2.		Trạm Y tế xã Phước Hòa															
			Y sĩ đa khoa: 01 chỉ tiêu															
184	I	346	Bùi Thị Mười		06/4/1994	Phước Quang - Tuy Phước - Bình Định	Y sĩ đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm Y tế xã Phước Hòa - Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		90.00	90.00	
	3.		Trạm Y tế xã Phước Hưng															
			Y sĩ đa khoa: 01 chỉ tiêu															
185	I	005	Đinh Ngọc Ân		02/4/1991	Phước Quang - Tuy Phước - Bình Định	Y sĩ đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm Y tế xã Phước Hưng - Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		76.00	76.00	
	4.		Trạm Y tế xã Phước Quang															
			Y sĩ đa khoa: 01 chỉ tiêu															
186	I	464	Võ Thị Mỹ Phương		24/01/1994	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định	Y sĩ đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm Y tế xã Phước Quang - Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước		85.50	85.50	
	III		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn:															
	1.		Trạm Y tế phường Nhơn Hòa															
			Y sĩ Y học cổ truyền: 01 chỉ tiêu															
187	I	534	Mai Công Thành		27/5/1996	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định	Y sĩ Y học cổ truyền	Tiếng Anh A (tương đương Bậc 1)	CNTT cơ bản		Y sĩ Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm Y tế phường Nhơn Hòa - Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		90.00	90.00	
	2.		Trạm Y tế xã Nhơn Hạnh															
			Y sĩ Y học dự phòng: 01 chỉ tiêu															
188	I	545	Thái Thái Thảo		22/11/1996	Phường Nhơn Hưng - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Y sĩ chuyên ngành Y học dự phòng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản	Con thương bình	Y sĩ Y học dự phòng	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm Y tế xã Nhơn Hạnh - Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	5.00	68.25	73.25	
	3.		Trạm Y tế xã Nhơn Tân															
			Cao đẳng ngành Điều dưỡng phụ sản hoặc Cao đẳng ngành Hộ sinh: 01 chỉ tiêu															
189	I	541	Huỳnh Thị Thảo		24/9/1996	Nhơn Tân - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng phụ sản hoặc Cao đẳng ngành Hộ sinh	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Trạm Y tế xã Nhơn Tân - Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		97.50	97.50	
			Cao đẳng ngành dược: 01 chỉ tiêu															
190	I	048	Phạm Minh Đan		25/12/1991	Nhơn Thọ - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng dược	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trạm Y tế xã Nhơn Tân - Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn		99.00	99.00	
	IV		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát:															
	1.		Trạm Y tế xã Cát Lâm															
			Y sĩ Y học cổ truyền: 01 chỉ tiêu															

STT	TT (theo chỉ tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đổi tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
191	1	079	Lê Văn Đồng	22/10/1989		Phường Bồng Sơn - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Y sĩ Y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Con của người hưởng chính sách như thương binh	Y sĩ Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm Y tế xã Cát Lâm - Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	5.00	71.25	76.25	
	2.	Trạm Y tế xã Cát Tân																
		Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 01 chỉ tiêu																
192	1	298	Nguyễn Thị Liễu		25/9/1993	Nhơn Mỹ - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trạm Y tế xã Cát Tân - Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		62.00	62.00	
		Y sĩ đa khoa: 01 chỉ tiêu																
193	1	497	Nguyễn Thị Sáng		01/10/1994	Cát Tân - Phù Cát - Bình Định	Y sĩ đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm Y tế xã Cát Tân - Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		76.00	76.00	
		Y sĩ Y học cổ truyền: 01 chỉ tiêu																
194	1	251	Huỳnh Hoàng Huyền	12/10/1988		Nhơn Mỹ - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Y sĩ Y học cổ truyền	Tiếng Anh A (tương đương Bậc 1)	Trung cấp Tin học		Y sĩ Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm Y tế xã Cát Tân - Trung tâm Y tế huyện Phù Cát		71.50	71.50	
	3.	Trạm Y tế xã Cát Tường																
		Y sĩ Y học cổ truyền: 01 chỉ tiêu																
195	1	256	Nguyễn Văn Khả	25/10/1986		Nhơn An - Thị xã An Nhơn - Bình Định	Y sĩ định hướng chuyên khoa Y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Y sĩ Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm Y tế xã Cát Tường - Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	2.50	69.25	71.75	
	V	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ:																
	1.	Trạm y tế xã Mỹ Chánh																
		Y sĩ đa khoa: 01 chỉ tiêu																
196	1	336	Nguyễn Thị Lý		02/8/1992	Mỹ Chánh Tây - Phù Mỹ - Bình Định	Y sĩ đa khoa	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm y tế xã Mỹ Chánh - Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ		93.50	93.50	
	2.	Trạm y tế xã Mỹ Lợi																
		Cao đẳng ngành dược: 01 chỉ tiêu																
197	1	289	Trần Thị Mỹ Lệ		20/10/1998	Mỹ Chánh - Phù Mỹ - Bình Định	Cao đẳng dược	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành dược	Dược hạng IV	V.08.08.23	Trạm y tế xã Mỹ Lợi - Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ		99.50	99.50	
	3.	Trạm y tế xã Mỹ Thành																
		Cao đẳng ngành Điều dưỡng: 01 chỉ tiêu																
198	1	127	Trần Thị Hải		11/01/1994	Mỹ Thành - Phù Mỹ - Bình Định	Cao đẳng Điều dưỡng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Cao đẳng ngành Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Trạm y tế xã Mỹ Thành - Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ		57.50	57.50	
	4.	Trạm y tế xã Mỹ Trinh																
		Y sĩ Y học cổ truyền : 01 chỉ tiêu																
199	1	170	Phạm Ngọc Hậu	24/01/1994		Ấn Phong - Hoài Ân - Bình Định	Y sĩ định hướng chuyên khoa Y học cổ truyền	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)		Y sĩ Y học cổ truyền	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	Trạm y tế xã Mỹ Trinh - Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ		73.00	73.00	
	VI	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân:																
	1.	Trạm Y tế xã Ân Tường Đông																
		Cao đẳng ngành Điều dưỡng phụ sản hoặc Cao đẳng ngành Hộ sinh: 01 chỉ tiêu																
200	1	008	Nguyễn Thị Kim Anh		08/02/1994	Phường Tam Quan Bắc - Thị xã Hoài Nhơn - Bình Định	Cao đẳng hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản		Cao đẳng ngành Điều dưỡng phụ sản hoặc Cao đẳng ngành Hộ sinh	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Trạm Y tế xã Ân Tường Đông - Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân		100.00	100.00	
	VII	Trung tâm Y tế huyện Ân Lão:																

STT	TT (theo chỉ tiêu)	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã, huyện, tỉnh)	Tiêu chuẩn nghiệp vụ			Đổi tượng ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thi (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	1.		Trạm y tế xã An Hòa															
			Đại học ngành Y tế công cộng: 01 chỉ tiêu															
201	1	601	Đinh Thị Thuì		19/9/1995	An Quang - An Lão - Bình Định	Đại học Y tế công cộng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản	Dân tộc thiểu số (H'Ré)	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Trạm y tế xã An Hòa - Trung tâm Y tế huyện An Lão	5.00	66.25	71.25	
	2.		Trạm y tế xã An Vinh															
			Đại học ngành Y tế công cộng: 01 chỉ tiêu															
202	1	022	Đinh Thị Bíp		19/5/1994	An Vinh - An Lão - Bình Định	Đại học ngành Y tế công cộng	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Dân tộc thiểu số (H'Ré)	Đại học ngành Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	Trạm y tế xã An Vinh - Trung tâm Y tế huyện An Lão	5.00	55.50	60.50	
	VIII		Trung tâm Y tế huyện Vân Canh:															
	1.		Trạm Y tế xã Canh Liên															
			Trung cấp ngành Dân số - Y tế: 01 chỉ tiêu															
203	1	340	Đinh Thị Mai		16/11/1993	Canh Thuận - Vân Canh - Bình Định	Trung cấp Dân số Y tế	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	CNTT cơ bản	Dân tộc thiểu số (Bana)	Trung cấp ngành Dân số - Y tế	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	Trạm Y tế xã Canh Liên - Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	5.00	69.00	74.00	
	IX		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh:															
	1.		Trạm y tế xã Vĩnh Sơn															
			Cao đẳng ngành Điều dưỡng phụ sản hoặc Cao đẳng ngành Hộ sinh: 01 chỉ tiêu															
204	1	766	Đinh Thị Xôn		15/5/1997	Vĩnh Sơn - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Cao đẳng hộ sinh	Tiếng Anh B (tương đương Bậc 2)	B (tương đương CNTT cơ bản)	Dân tộc thiểu số (Bana)	Cao đẳng ngành Điều dưỡng phụ sản hoặc Cao đẳng ngành Hộ sinh	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Trạm y tế xã Vĩnh Sơn - Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	5.00	73.00	78.00	

Danh sách này có: 204 thí sinh trúng tuyển.